TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G THANH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 531/2024/DSST
Ngày 25 - 7 - 2024
V/v: Tranh chấp
Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Mai

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Tiến Thịnh - thư ký Toà án nhân dân Quận G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 317/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2024, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 265/2024/QĐXX-DS ngày 12/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 230/2024/QĐST-DS ngày 04/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S; trụ sở chính: Số B - B N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật của công ty: Bà N.Đ.T.D; người đại diện theo ủy quyền: Ông T.Đ.T; sinh năm 1984 (văn bản ủy quyền số 4193/2023/UQ ngày 05/12/2023).

Bị đơn: Ông N.X.H, sinh năm 1980; cư trú tại: Số A đường số B, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bị đơn vắng mặt; đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi là Ngân hàng) trình bày:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2023, ông N.X.H ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng S ngày 26/02/2018, căn cứ các tài liệu,chứng minh và mục đích tiêu dùng cá nhân của ông H, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông H thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 158.456.245 đồng.

Kể từ khi kích hoạt thẻ tín dụng đến ngày 15/4/2020 ông H thanh toán trả Ngân hàng số tiền là 111.583.000 đồng, qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H không có thiện chí trả nợ, do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 16/4/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn tính đến ngày 257/2024, ông N.X.H còn nợ các khoản như sau nợ gốc là 111.883.470 đồng; lãi quá hạn là 209.714.120 đồng. (Theo quy định tại Điều 24 của hợp đồng về lãi suất trong quá trình sử dụng thẻ lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và lãi suất ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau). Tổng số tiền gốc và lãi là 321.597.590 đồng, yêu cầu ông N.X.H phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 26/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 26/02/2018.

Tại phiên Tòa, đại diện Ngân hàng TMCP S có đơnxét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung chứng cứ hoặc thay đổi gì khác.

Đối với bị đơn là ông N.X.H: Tòa án đã thực hiện việc tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo phiên hòa giải đối với ông H tại nơi cư trú nhưng vẫn không đến Tòa theo giấy triệu tập và không có văn bản phản hồi ý kiến theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Nên Tòa án quận G không thu thập được lời khai và chứng cứ từ phía bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về giải quyết và xét xử vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội Đồng xét xử nhận định:

[1] Về tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét từ khi thụ lý vụ án đến đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nên đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tín dụng", được qui định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là ông N.X.H có cư trú tại địa chỉ số A đường số B Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành, niêm yết, tống đạt giấy triệu tập thông báo thụ lý, thông báo phiên họp công khai chứng cứ, và đối chất - hòa giải hợp lệ đối với bị đơn, nhưng bị đơn không có ý kiến hoặc phản

hồi văn bản. Nguyên đơn có đơn đề nghị yêu cầu xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 288 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Về yêu cầu đương sự:

Xét thấy ngày 26/2/2018 ông N.X.H đề nghị Ngân hàng S cấp thẻ tín dụng số thẻ 436438-36-30 (loại Visa Platinum), có hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng. Từ ngày 15/3/2018 đến ngày 15/3/2020, ông H thanh toán cho ngân hàng số tiền là 111.583.000 đồng. Tuy nhiên số tiền trên được thanh toán và tất toán hết nợ bao gồm: Số tiền gốc và lãi phát sinh của kỳ trước; giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; và các khoản phí và lãi trong kỳ; giao dịch rút tiền mặt trong kỳ và giao dịch mua hàng hóa trong kỳ. Đến ngày 27/11/2023 ông H phát sinh tồn nợ gốc là 111.883.470 đồng; lãi quá hạn là 209.714.120 đồng. Sau nhiều lần nhắc nhỡ, ông H không thanh toán số nợ trên nên Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn áp dụng lãi suất là (2.4% x 150%): 30 ngày x 111.883.470 đồng x số ngày chậm trả số tiền là 209.714.120 đồng.

Căn cứ Điều 91 qui định về lãi suất và Điều 95 qui định về việc chấm dứt cấp tín dụng và xử lý nợ của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật". Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng do ông N.X.H ký kết với ngân hàng TMCP S vào ngày 26/2/2018 đã đọc, hiểu, đồng ý và cam kết thực hiện các điều khoản, điều kiện của hợp đồng trên. Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông N.X.H thanh toán số tiền nợ gốc, lãi quá hạn tính đến ngày 25/7/2024 tổng số tiền là 321.597.590 đồng, (gồm: Nợ gốc là 111.883.470 đồng, lãi quá hạn là: (2.4% x 150%): 30 ngày x 111.883.470 đồng x 1562 ngày, số tiền là 209.714.120 đồng). Và ông H còn trả thêm tiền lãi phát sinh từ ngày 26/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất của hợp đồng tín dụng ký kết ngày 26/02/2018 của Ngân hàng TMCP S là có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí lệ phí của Tòa án. Do vậy bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 179, khoản 2 Điều 227, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông N.X.H thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ gốc và lãi đến ngày 27/11/2023 tổng số tiền là 321.597.590 đồng, (ba trăm hai mươi mốt triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm chin mươi đồng).

Ông N.X.H còn phải trả thêm tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất của hợp đồng tín dụng ký kết ngày 26/02/2018 tại Ngân hàng TMCP S.

Thi hành ngay, khi bản án có hiệu lực pháp luật. Tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.Về án phí DSST:

Ông N.X.H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 16.080.000 đồng, tại Chi cục thi hành án dân sự quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.231.023 đồng, theo Biên lai thu tiền số 0012943 ngày 17/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP . HCM
- VKSND Q.GV
- THA DS QGV
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA